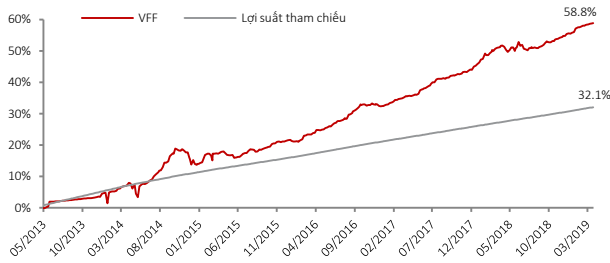


## VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 03/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

### Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit <sup>2</sup>	4 SOCBs 12M deposit <sup>3</sup>	VCB 12M deposit <sup>4</sup>
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	283.2			
NAV/CCQ, VND	15,881			
<b>Tăng trưởng NAV<sup>1</sup></b>				
So với tháng trước	0.5%			
Từ đầu năm	2.1%	1.2%	0.1%	1.7%
<b>Quy thành năm</b>				
2019	8.6%	5.0%	6.8%	6.8%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	9.0%	5.1%	6.5%	6.4%
<b>Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập</b>	<b>58.8%</b>	<b>32.1%</b>	<b>41%</b>	<b>40.4%</b>

<sup>1</sup> NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành

<sup>2</sup> Lợi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agr)

<sup>3</sup> Lợi suất tham chiếu: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN

<sup>4</sup> Lợi suất tham chiếu: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

### Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>2,5% &lt; 12 tháng</li> <li>1,5% &gt; / = 12 và &lt; 24 tháng</li> <li>0,75% &gt; / = 24 tháng</li> </ul>
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

### Chiến lược đầu tư

#### Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ chế ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

#### Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung  
[dung.xuan.nguyen@vina-capital.com](mailto:dung.xuan.nguyen@vina-capital.com)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vina-capital.com](mailto:irwm@vina-capital.com)  
 Tel: +84 8 38 27 85 35

## Tổng quan về Quỹ

### Cấu trúc Quỹ

### Quỹ mở Trái phiếu

### Mức rủi ro

THẤP

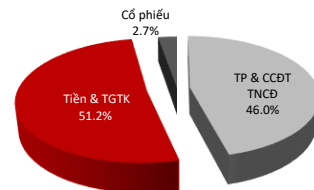
### Mức lợi nhuận

THẤP TB CAO

### Mức phí

THẤP TB CAO

## Phân bổ tài sản



## Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 15,881 VND tại thời điểm cuối tháng 03/2019, tăng 0,5% so với tháng trước và 2.1% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 03 do:

- Lợi nhuận tích lũy và tăng dư vốn từ các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ thu nhập cố định;
- Lợi nhuận thực hiện trong tháng từ khoản đầu tư vào cổ phiếu, chiếm 2.7% tổng GTTSR

Tính đến cuối tháng 03/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 283,2 tỷ đồng (12,2 triệu USD) so với mức 320,3 tỷ đồng (13,8 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 2. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 46% tổng GTTSR và VFF duy trì 51,2% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

## Thị trường trái phiếu

**Thị trường trái phiếu sơ cấp:** Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là kênh phát hành trái phiếu duy nhất trong tháng 3/2019 và đã huy động được 14,30 nghìn tỷ VND (0,6 tỷ USD) trái phiếu với kỳ hạn từ 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm, và 30 năm. Tổng giá trị phát hành tháng 3 giảm 18.8% so với tháng 02/2019. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến trái phiếu kỳ hạn 15 năm với giá trị phát hành là 6,81 nghìn tỷ VND (293,46 triệu USD), chiếm 47,7% tổng giá trị phát hành trong tháng. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm đứng thứ hai với tổng giá trị phát hành là 5,78 nghìn tỷ VND (249,26 triệu USD), chiếm 40,5% tổng giá trị phát hành.

Lợi suất trái phiếu KBNN nhìn chung tăng từ 2 đến 7 điểm cơ bản so với lần phát hành gần nhất vào tháng 02/2019 đối với các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm. Trong khi đó, lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 20 năm giảm 45 điểm so với tháng trước.

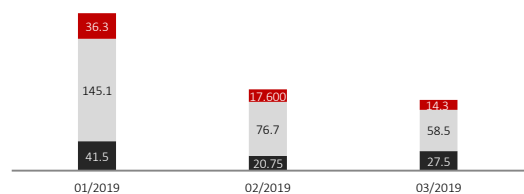
**Thị trường trái phiếu thứ cấp:** Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 3 sôi động hơn so với tháng trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 78,99 nghìn tỷ VND (3,41 tỷ USD), tăng 19% so với tháng 02/2019. Lợi suất trái phiếu thứ cấp ghi tăng từ 07 đến 27 điểm so với tháng trước trên tất cả các kỳ hạn.

Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VND (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

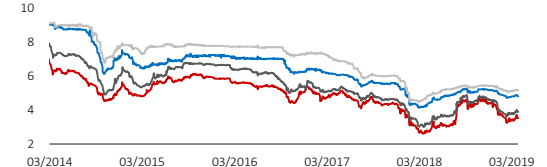
## Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp

■ Khối lượng gọi thầu ■ Khối lượng đặt thầu ■ Khối lượng phát hành

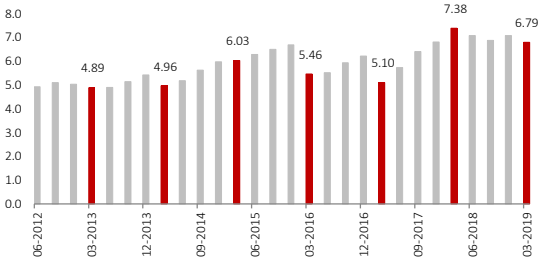


## Lợi suất trái phiếu thứ cấp

Lợi suất (%) — 3 năm — 5 năm — 10 năm — 15 năm



## Tăng trưởng GDP theo quý (%)



## Cập nhật thị trường vĩ mô, 03/2019

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam so với cùng kỳ giảm từ mức 7,4% trong Q1/2018 xuống còn 6,8% trong Q1/2019, do tăng trưởng sản xuất công nghiệp suy giảm từ 13% xuống còn 9%, mặc dù lạm phát theo năm không thay đổi, vẫn giữ mức 2,7% trong cả tháng 3/2018 và 3/2019.

Sự suy giảm trong sản xuất công nghiệp của Việt Nam chủ yếu do sự tác động của việc nhà máy lọc dầu Nghi Sơn ngừng hoạt động một tháng trong quý 1 vì một số vấn đề kỹ thuật, và sự sụt giảm khoảng 10% lượng điện thoại thông minh so với cùng kỳ năm trước, một phần do hiện tượng “bão hòa điện thoại thông minh” toàn cầu.

Dù với những diễn biến trên, Chỉ số quản lý mua hàng (PMI) của Việt Nam vẫn tăng từ 51,2 trong tháng 2 lên 51,9 vào tháng 3, và đã vượt qua ngưỡng “50” trong 70 tháng, báo hiệu sự tăng trưởng trong năm 2019.

Điều này cho thấy rằng, chúng tôi phần nào lo ngại về khả năng ảnh hưởng của việc kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại Việt Nam. Ví dụ, tăng trưởng du lịch Trung Quốc đã giảm từ 49% vào năm 2017, xuống còn 24% vào năm 2018, và tiếp tục giảm - 6% so với cùng kỳ trong quý 1/2019, dẫn đến tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến Việt Nam giảm từ 29% so với cùng kỳ trong quý 1/2018 xuống còn 9% trong quý 1/2019. Lưu ý rằng khách nước ngoài đóng góp hơn 10% doanh số bán lẻ của Việt Nam. Tăng trưởng doanh số bán lẻ thực tế gần như không thay đổi ở mức khoảng 9% trong quý 1 của cả 2018 và 2019.

Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại cũng làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc từ mức 17% trong năm 2018, xuống mức -7% trong quý 1/2019, do xuất khẩu điện thoại di động sang Trung Quốc giảm 69%. Kết quả là tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam nhìn chung giảm từ 25% trong quý 1/2018 xuống chỉ còn 5% trong quý 1/2019, dẫn đến thặng dư thương mại cũng bị giảm từ 2,7 tỷ USD trong quý 1/2018 xuống còn khoảng 1,41 tỷ USD trong quý 1/2019.

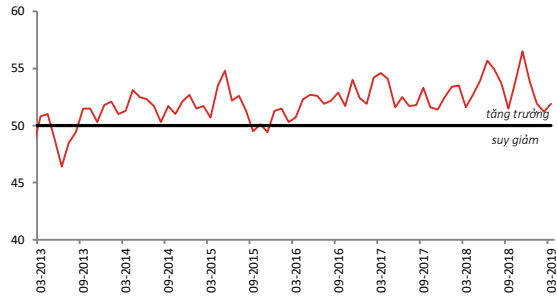
Theo quan điểm của chúng tôi, tăng trưởng xuất khẩu khiêm tốn của Việt Nam trong quý 1 rất đáng chú ý cho dù thương mại thế giới đang giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, theo một báo cáo từ Chính phủ Hà Lan. Theo đó, xuất khẩu của Hàn Quốc trong quý 1 đã giảm gần 10% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù có sự sụt giảm thặng dư thương mại tại Việt Nam, số liệu không chính thức cho thấy Đồng Việt Nam tăng khoảng 0,3% so với đầu năm, chủ yếu là do Ngân hàng Nhà nước đã mua ròng khoảng 6 tỷ USD dự trữ ngoại hối, nâng tổng số dự trữ lên tương đương 3 tháng giá trị hàng nhập khẩu trở lại đây. Nguồn dự trữ bao gồm 4,1 tỷ USD vốn FDI giải ngân, tăng 6% so với quý 1/2018.

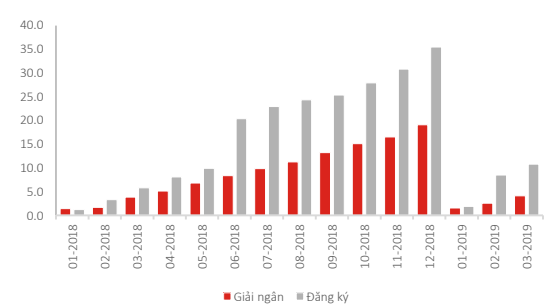
Cuối cùng, tỷ lệ lạm phát cơ bản của Việt Nam không thay đổi và giữ ở mức 2,7% trong tháng 3/2019, tăng nhẹ từ 2,6% trong tháng 2/2019. Nói tóm lại, sự hồi phục về lạm phát giá lương thực từ mức thấp vào năm 2018 lên gần 5% vào năm 2019 đã cộng thêm thêm 1,5 điểm phần trăm vào lạm phát cơ bản của Việt Nam, nhưng cơ sở này đã được bù lại toàn bộ do lạm phát giá y tế giảm mạnh từ 22% vào tháng 3 năm 2018 xuống một mức không đáng kể trong năm 2019 do việc tăng giá chăm sóc sức khỏe bắt buộc của chính phủ đã chậm dứt.

Chúng tôi dự đoán lạm phát sẽ tăng lên 3,5% vào cuối năm 2019, do giá điện tăng khoảng 7% vào cuối tháng 3, và do dịch cúm lợn châu Á (tại Việt Nam) có khả năng gây ra sự thiếu hụt thịt lợn trong nước vào cuối năm nay.

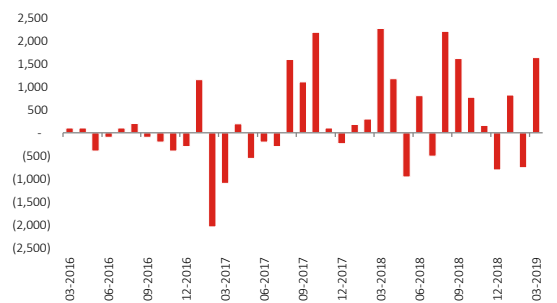
## Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



## FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



## Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)

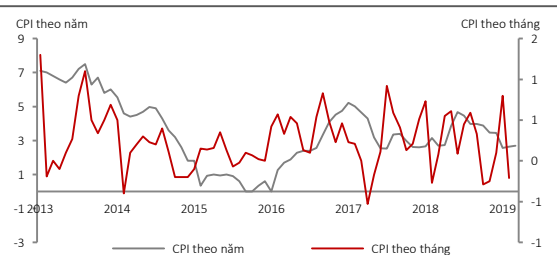


## Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		03/2019	02/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	6.79	N/A	7.08	6.60 - 6.80
PMI		51.9	51.2	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	2.70	2.64	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	1.41	0.08	7.78	6.81
Nhập khẩu	% y/y	7.82	7.50	11.58	13.70
Xuất khẩu	% y/y	5.55	5.90	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	10.81	3.26	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	4.12	2.58	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	64.00	64.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,189	23,199	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

## Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



### Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo đưa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lý do, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.